

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 30-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sĩ

- Bà Nguyễn Thị Ánh Gương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 07/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2022, đối với:

- Bị cáo Trần Văn T, sinh năm 1996; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1971 và bà Võ Thị T, sinh năm 1966; có vợ Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2001 và 01 người con, sinh năm 2020; tiền án: Ngày 09/3/2016, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 18/5/2016), ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 08/01/2018) và ngày 25/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 6 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 04 năm 6 tháng tù (Theo Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 99/2022/HSPT-QĐ ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Quyết định thi hành án phạt tù số: 51/2022/QĐ0-CA ngày

13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang); tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không.

Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Lê Vũ H, sinh năm 1996, *có đơn xin vắng mặt.*
 2. Châu Thị T, sinh năm 1979, *có đơn xin vắng mặt.*
 3. Lê Thanh L, sinh năm 1974, *có đơn xin vắng mặt.*
- Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990, *có đơn xin vắng mặt.*
- Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, *có đơn xin vắng mặt.*
- Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
2. Trần Văn Ngan E, sinh năm 1969, *vắng mặt.*
- Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993, *vắng mặt.*
- Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
2. Trần Văn Biết, sinh năm 1971, *có mặt.*
- Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
3. Nông Thanh B, sinh năm 1975, *vắng mặt.*
- Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/9/2020, Trần Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Kiên Giang khởi tố, bắt tạm giam. Ngày 11/12/2020, cho gia đình bảo lãnh. Trong giai đoạn truy tố, T bỏ trốn và ra quyết định truy nã, đến ngày 23/12/2021 bắt theo quyết định truy nã.

Đến ngày 25/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm d khoản 2 Điều 174 (vì Trần Văn T có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 08/01/2018, chưa được xóa án tích, tiếp tục phạm tội), xử phạt Trần Văn T 02 năm 6 tháng tù, về tội

“Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 04 năm 6 tháng tù.

Trong thời gian bỏ trốn và có lệnh truy nã, T đến huyện T và huyện B, tỉnh Đồng Tháp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 02/11/2021, Trần Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T điều khiển xe 61S4-1248, loại xe wave màu xanh, từ nhà tại ấp A, xã A đi thị trấn T, huyện T khi đến ấp T, xã P, huyện T phát hiện nhà bà Châu Thị T đang xây dựng chưa gắn cửa, T chạy xe qua khoảng 30 mét, quay xe lại đậu vào lề đường, đột nhập vào nhà. T dùng tay mở mùng ông Lê Thanh L và bà Châu Thị T đang ngủ, trộm 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y11, màu xanh dương, 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, màu đen và 01 cặp da màu đen. Tiếp tục đến chỗ ngủ của ông Lê Vũ H và bà Phan Thị Ngọc T đang ngủ, trộm 02 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus. Trộm xong, T ra phía trước nhà lấy hết tiền trong cặp, bỏ cặp lại.

Về đến nhà, T kiểm tra tiền được 19.300.000 đồng. Sau đó khoảng 3 ngày, T cho bạn Nguyễn Thanh T 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh dương, đến khoảng ngày 18/11/2021 T bán cho 01 người tên P (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu đen giá 1.500.000 đồng, còn 2 chiếc điện thoại Iphone 6 plus, đem cầm tại tiệm điện thoại di động do Nguyễn Thị D làm chủ tiệm, tại chợ xã A, huyện T với giá 1.500.000 đồng (01 chiếc 800.000 đồng, 01 chiếc 700.000 đồng), số tiền đã sử dụng cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu hồng, đã qua sử dụng; 01 VIVO Y11 màu xanh dương, đã qua sử dụng. Các vật chứng này Cơ quan điều tra đã chứng minh của Lê Thanh L, Lê Vũ H, đã trao trả xong.

Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS, ngày 08/12/2021 Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 02 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 2.700.000 đồng/cái; $2.700.000 \text{ đồng/cái} \times 2 \text{ cái} = 5.400.000 \text{ đồng}$; 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y11, màu xanh dương, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 1.700.000 đồng/cái; 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, màu đen, tài sản đã qua sử dụng, giá trị định giá là 2.500.000 đồng/cái; Tổng cộng: 04 điện thoại, giá trị 9.600.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra T khai nhận như trên, phần tiền bị cáo trộm 19.300.000 đồng, bà Châu Thị T trình bày mất trộm số tiền 51.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền do bà T thu tiền hội, tiền quay heo, mua heo.

Bị hại cho rằng mất trộm 51.000.000 đồng, chỉ có lời khai ngoài ra không có chứng cứ chứng minh. Do đó, nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên xác định bị cáo trộm cắp số tiền 19.300.000 đồng.

Về dân sự: ngày 23/12/2021, Trần Văn T và Châu Thị T thống nhất thỏa thuận dân sự, T bồi thường số tiền Việt Nam là 20.000.000 đồng, và 01 điện thoại di động hiệu Vsmart trị giá 3.000.000 đồng, tổng cộng 23.000.000 đồng. Trần Văn T và Nguyễn Thị D thống nhất T bồi thường số tiền 1.500.000 đồng mà T cầm 2 điện thoại cho D.

- Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ, ngày 19/12/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 66P2-164.14 từ nhà đến ấp L, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp phát hiện nhà ông Nông Thanh B có đèn ở phía sau, T dừng xe, đột nhập vào phía sau, đi lên cầu thang. Nhà ông B là nhà sàn gỗ, đi phát tiếng động nên T đi qua nhà ông Trương Văn T (hai nhà cặp vách nhau, có cửa thông), đi ra phía trước nhà, phát hiện trên đầu giường ông Nguyễn Văn T đang nằm ngủ có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 và 01 cái bóp, T lấy trộm điện thoại và lấy tiền trong bóp 135.000 đồng, để bóp lại vị trí cũ rồi tẩu thoát ra ngoài. Đến khoảng 01 giờ 20 phút ngày 20/12/2021, T điều khiển xe mô tô đến ấp A, xã A, huyện T, bị Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra, tại Công an xã A T thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam 135.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21 màu xanh-đen đã qua sử dụng. **Các vật chứng này, Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chủ sở hữu là Nguyễn Văn T; 01 xe mô tô biển số 66P2-164.14, nhãn hiệu Mentus &, màu xanh, xe đã qua sử dụng. Vật chứng chưa xử lý.**

Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐ, ngày 28/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu VIVO Y21, màu xanh đen, đã qua sử dụng, giá trị định giá 2.500.000 đồng.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu T bồi thường dân sự, đồng thời có đơn xin bãi nại cho T.

Bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS-TN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

tuyên bố bị cáo Trần Văn T, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án tù 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST, ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 99/2022/HSPT-QĐ ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Quyết định thi hành án phạt tù số: 51/2022/QĐ0-CA ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang) xử phạt bị cáo T 02 năm, 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 04 năm, 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường 01 điện thoại của bà T bán không thu hồi được là 3.000.000đ và tiền Việt Nam là 20.000.000đ, tổng cộng là 23.000.000đ và đồng ý bồi thường số tiền 3.000.000đ cho Nguyễn Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS, ngày 08/12/2021 Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐ, ngày 28/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Đồng Tháp; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường ngày 05/01/2022 và Bản ảnh hiện trường của Công an huyện B; Bản tự khai ngày 20/12/2021 và Tờ cam kết ngày 20/12/2021 của bị cáo; Lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 02/11/2021, bị cáo Trần Văn T điều khiển xe 61S4-1248 đến ấp T, xã P, huyện T phát hiện nhà bà Châu Thị T đang xây dựng chưa gắn cửa, bị cáo đột nhập vào nhà, trộm số tiền 19.300.000 đồng, 4 điện thoại di động giá trị định giá tổng cộng là: 9.600.000 đồng. Tiếp tục khoảng 23 giờ, ngày 19/12/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 66P2-164.14 đến ấp K, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp tìm tài sản để trộm, bị cáo đột nhập vào nhà ông Trương Văn T, trộm của Nguyễn Văn T số tiền 135.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 giá trị định giá 2.500.000 đồng. Tổng cộng bị cáo T trộm cắp tài sản có giá trị là: 31.535.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo T đã có 03 tiền án (trong đó 01 tiền án xét xử ngày 09/3/2016 và chấp hành xong ngày 18/5/2016, Bản án này hiện tại bị cáo chưa nộp án phí và 01 tiền án xét xử ngày 10/5/2017, chấp hành xong ngày 08/01/2018, Bản án này Chi cục thi hành án huyện T và thành phố P trả lời không nhận được bản án). Tiếp tục ngày 25/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã xét xử căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm d khoản 2 Điều 174 đã áp dụng tái phạm nguy hiểm (Theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 51/2022/QĐ-CA ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang). Do đó, 02 lần trộm tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp đủ cơ sở xác định bị cáo tái phạm nguy hiểm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Về thời gian đã chấp hành án của bị cáo (Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST, ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 99/2022/HSPT-QĐ ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Quyết định Thi hành án hình phạt tù số: 51/2022/QĐ-CA ngày 13/5/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án, thời gian chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập không ổn định nên không áp dụng.

Tất cả tài sản đều do con người lao động vất vả để tạo nên, do đó quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo hộ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này, nhưng vì lòng tham, lười biếng lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng, mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, lén lút lấy cắp tài sản của người khác, để nhằm phục vụ

cho lợi ích cá nhân mình. Hiện nay nạn trộm cắp đang có chiều hướng gia tăng, nhiều gia đình mất đi tài sản là những công cụ, phương tiện lao động chính để tạo ra thu nhập, nuôi sống gia đình, nạn trộm cắp này khiến chúng nhân dân hết sức bất bình, phẫn nộ. Mặt khác, bản thân bị cáo có nhiều tiền án về tội Trộm cắp tài sản, cụ thể: Ngày 09/3/2016, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 18/5/2016), ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 08/01/2018) và ngày 25/01/2022, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 6 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 04 năm 6 tháng tù, nhưng bị cáo không biết ăn năn hối cải, nghĩ nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại Nguyễn Văn T có đơn bãi nại cho bị cáo nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình Sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với bị hại T và L cho rằng mất trộm 51.000.000 đồng nhưng chỉ có lời khai ngoài ra không có chứng cứ chứng minh. Do đó, nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên xác định bị cáo trộm cắp số tiền 19.300.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra giữa bị hại T và L với bị cáo T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự tiền mất trộm là 20.000.000 đồng và giá trị 01 điện thoại nhãn hiệu Smart của bà T không thu hồi được là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 23.000.000 đồng theo Biên bản thỏa thuận bồi thường dân sự trong vụ án tại Cơ quan điều tra ngày 23/12/2021 giữa bà T, ông L với bị cáo và theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/5/2022 của bà T và ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường là 23.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên thỏa thuận trên, nghĩ nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền trên lại cho bà T và ông L là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với Nguyễn Thị D cầm 02 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus của bị cáo T số tiền 1.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi 02 điện thoại trên trả lại bị hại nên chị D yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đồng đã cầm 02 điện thoại, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại cho bà D số tiền trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu hồng, đã qua sử dụng; 01 VIVO Y11 màu xanh dương, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã chứng minh của Lê Thanh L, Lê Vũ H và đã trao trả xong không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với tiền Việt Nam 135.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21 màu xanh-đen đã qua sử dụng của bị hại Nguyễn Văn T. Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại Nguyễn Văn T xong không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 66P2-164.14, nhãn hiệu Mentus &, màu xanh, xe do Nguyễn Quang M sinh năm 1972, địa chỉ số 389 tổ 16, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp đứng tên chủ xe. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác minh, ông M không có mặt địa phương, không làm việc được. Ông Trần Văn Ngan E khai mua xe mô tô trên vào năm 2010 với số tiền 3.000.000 đồng, không làm thủ tục sang tên, giấy đăng ký xe đã làm mất, bị cáo T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, Ngan E không biết. Xét thấy, giao Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc đối với xe trên và xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô biển số 61S4-1248, loại xe wave màu xanh, bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội trộm cắp tài sản ngày 02/11/2021, bị cáo khai mua của người lạ, đã bị mất trộm. Cơ quan điều tra không xác định được chủ sở hữu xe, không thu giữ được xe nên không có cơ sở xem xét xử lý. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào thu giữ được xe mô tô trên sẽ xem xét xử lý sau.

[7] Đối với người tên P mua của bị cáo T 01 điện thoại di động, bị cáo T không biết nhân thân địa chỉ cụ thể của P nên Cơ quan điều tra không làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[8] Đối với Nguyễn Thanh T, bị cáo T cho 01 điện thoại di động, T không biết bị cáo T phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ điện thoại trả lại bị hại xong nên không xem xét xử lý trách nhiệm.

[9] Đối với Nguyễn Thị D, cầm 2 điện thoại di động của bị cáo T, D không biết bị cáo T phạm tội mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 điện thoại trả bị hại xong nên không xem xét xử lý trách nhiệm.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (Ba) năm tù.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2022/HS-ST, ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 99/2022/HSPT-QĐ ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt là 04 năm 06 tháng tù. Tại Quyết định Thi hành án hình phạt tù số: 51/2022/QĐ-CA ngày 13/5/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thi hành hình phạt tù 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 23/12/2021, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2020 đến ngày 11/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 584, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Châu Thị T và Lê Thanh L gồm: tiền mất trộm là 20.000.000đồng và giá trị 01 điện thoại nhãn hiệu Smart của bà T không thu hồi được là 3.000.000đồng, tổng cộng là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

- Buộc bị cáo Trần Văn T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị D số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ nguồn gốc, xử lý theo quy định của pháp luật: 01 (một) xe mô tô biển số 66P2-164.14, nhãn hiệu Mentus &, màu xanh, xe đã qua sử dụng.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.225.000đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Lê Hoàng Vũ